TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN NHIÊN LIỆU

Ngày 23/08/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Đơn vị : USD/tấn

Chỉ số giá than	Theo chuyến	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	64,20	-0,80	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	65,30	-0,45	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	49,40	+0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	61,10	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	47,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	40,00	+0,00	281,58	+0,06
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	56,00	+0,40	394,21	+2,90
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	62,50	-0,50	439,97	-3,42

THEO CHUYẾN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019

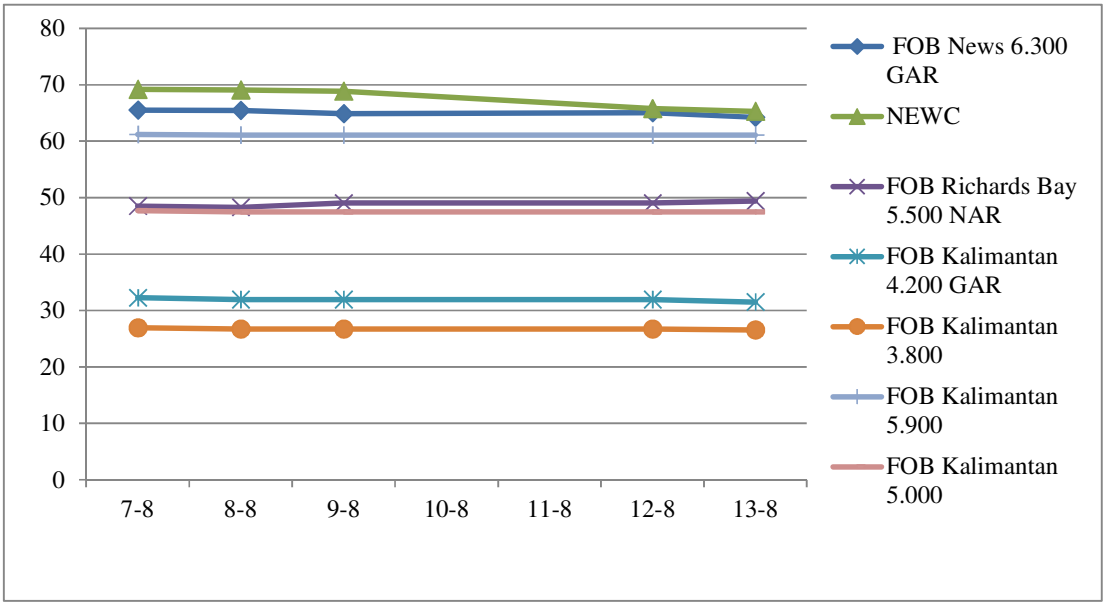

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/08/2019)

GIÁ DẦU DO 0,05 S

Chỉ số giá dầu DO quốc tế (hàng tuần)	Giá (USD/lít)	+/-	Chỉ số giá dầu DO trong nước	Giá (VNĐ/lít)	+/-
Trung Quốc	0,90	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 1	15.160	+0,00
Malaysia	0,52	+0,00	Dầu DO 0,05S - Vùng 2	15.460	+0,00
Thái Lan	0,85	+0,02	Dầu DO 0,05 S –II - Vùng 1	16.500	+0,00
Hàn Quốc	1,12	+0,01	Dầu DO 0,05 S –II - Vùng 2	16.830	+0,00
Singapore	1,28	+0,01			
Nga	0,68	-0,01			

(Nguồn: https://www.globalpetrolprices.com/diesel_prices/-cập nhật)

ĐIỂM TIN

Tăng cường xuất khẩu than nhiệt Nam Phi gây ra thiếu hụt nguồn cung nội địa trong ngắn hạn

Trong tuần đầu tiên của tháng 8, Nam Phi đã đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu than, khiến lượng than tồn kho tại cảng Richards Bay giảm mạnh và gây ra khan hiếm nguồn cung các loại than xuất khẩu phổ biến. Lượng than tồn kho tại cảng Richards Bay (RBCT) ở mức 2,83 triệu tấn cuối tuần trước, giảm từ 3,8 triệu tấn đầu tháng 7 và thấp hơn nhiều so với mức tối ưu 3 – 4 triệu tấn. Nguồn cung khan hiếm là tin vui cho các nhà xuất khẩu do giá theo điều kiện FOB trong những tuần trước đó đã giảm xuống gần mức thấp kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Giá than 5.500 kcal/kg NAR được S&P Global Platts đánh giá ở mức 51,40 USD/tấn, FOB Richards đầu tháng 8, tăng nhẹ so với mức 48,80 USD/tấn trong tháng 6, mức thấp nhất trong vòng hai năm trở lại đây.

Một công ty xuất khẩu than Nam Phi khác cho biết tình hình hiện tại có thể giúp đẩy giá than tăng trong tương lai gần, mặc dù vẫn còn một số vấn đề về phía cầu trên thị trường toàn cầu. Ấn Độ - nước nhập khẩu than Nam Phi lớn nhất, chiếm 58% tổng lượng than xuất khẩu của Nam Phi trong nửa đầu năm 2019 – chứng kiến nhu cầu sụt giảm trong mùa mưa, đồng thời nhận được chào giá từ nhiều nước xuất khẩu than khác trên thế giới, trong khi nhu cầu từ Châu Âu và Đông Á sụt giảm. Trong tuần đầu tháng 8 đã có 15 tàu với tổng khối lượng 1,7 triệu DWT rời RBCT, theo thông tin từ cFlow, phần lớn trong số đó hướng đến Ấn Độ hoặc Pakistan. Trong tuần trước đó chỉ có bốn tàu với tổng khối lượng 514.412 DWT rời RBCT. Dự báo khối lượng than tồn kho sẽ tăng chậm và giá vẫn sẽ giữ ở mức thấp.

Nhu cầu tiêu thụ than nhiệt nội địa của Trung Quốc thấp dù nhiệt độ tăng cao

Nhu cầu tiêu thụ than nhiệt nội địa Trung Quốc không tăng trong những ngày qua mặc dù nhiệt độ tăng cao, trong khi đó các hộ tiêu thụ đang tìm cách giảm lượng than tồn kho. Một chuyên gia Trung Quốc cho biết: "Tôi dự báo nhiệt độ trong mùa hè năm nay sẽ không thể tăng cao hơn nữa, do đó mức tiêu thụ than hàng ngày khó có khả năng tiếp tục tăng". Lượng than tiêu thụ tại sáu NMNĐ lớn ven biển được ghi nhận ở mức 796.700 tấn cuối tháng 7, tăng từ khoảng 600.000 tấn một tháng trước đó, nhưng đã quay đầu giảm sau khi đạt mức 800.000 tấn đầu tháng 8. Các chuyên gia Trung Quốc cho biết lượng than tồn kho vẫn ở mức cao và một số NMNĐ đang cố gắng giảm tồn kho, do vậy nhu cầu được dự đoán sẽ không tăng lên. Lượng than dự trữ tại các NMNĐ lớn được ghi nhận ở mức 17,65 triệu tấn vào đầu tháng 8, đủ cho khoảng 22 ngày đốt than. Một NMNĐ nam Trung Quốc cho biết: "Chúng tôi dự đoán nhu cầu sẽ giữ ở mức thấp trong kỳ nghỉ dài vào tuần đầu tiên của tháng 10, chúng tôi sẽ phải giảm lượng tồn kho đến lúc đó vì không có lợi cho chúng tôi nếu giữ quá nhiều than trong kho". Một hộ tiêu thụ khác ở đông Trung Quốc cho biết hầu hết các NMNĐ đang mua than theo hợp đồng dài hạn, do đó hiện tại không xuất hiện nhu cầu mua than giao lẻ.

Trong khi đó, cảng Caofeidian đã áp dụng phí phạt chậm dỡ hàng đối với các khách hàng có khối lượng than trung chuyển hàng năm nhỏ, đây là một nỗ lực giải tỏa hàng tồn kho và ngăn ngừa cháy

tự phát. Tập đoàn khai thác than Shenhua đã giảm giá hợp đồng kỳ hạn cho than 5.000 kcal/kg NAR trong tháng 8, đây là một tín hiệu cho thấy giá khó có thể tăng trong ngắn hạn. Giá chào cho than nội địa 5.500 kcal/kg NAR của Shenhua trong khoảng 599 NDT/tấn, tương đương với tháng 7, trong khi giá chào than 5.000 kcal/kg NAR ở mức 514 NDT/tấn, giảm 10 NDT/tấn so với tháng 7.

Giá chào than nhiệt Kalimantan giảm do nhu cầu thấp

Giá chào than nhiệt Indonesia đã giảm trong tuần đầu tháng 8 do khách hàng sử dụng than tồn kho trước những diễn biến mới nhất trong căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, giá chào cho than 3.800 kcal/kg NAR đã giảm xuống còn 33,5 USD/tấn FOB Kalimantan. Nhu cầu từ những hộ tiêu thụ ở Trung Quốc vẫn còn hạn chế do tốc độ tiêu thụ than tại các NMNĐ ven biển thấp và tâm lý lo ngại bao trùm thị trường. Một công ty thương mại than Trung Quốc cho biết: "Nếu giá than vận chuyển đường biển giảm trong thời gian sử dụng điện cao điểm, chúng tôi cho rằng thị trường Trung Quốc sẽ không thể có chuyển biến cho đến tháng 9". Một công ty thương mại than Singapore: "Nhu cầu của Trung Quốc xuống thấp trong nửa cuối năm 2019 do hạn ngạch nhập khẩu".

Giá cước vận chuyển đường biển giảm trong tuần đầu tiên của tháng 8, giúp giảm tác động của việc đồng Nhân dân tệ mất giá so với đồng đô la Mỹ gây ra bởi căng thẳng thương mại giữa hai cường quốc này. Hiện tại 1 Nhân dân tệ đang đổi được 6,94 đồng đô la Mỹ, mức thấp nhất kể từ tháng 10 năm ngoái, sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết tiến trình đàm phán thương mại với Trung Quốc đang tạm ngừng và phía Mỹ đơn phương tuyên bố mức thuế 10% đối với lượng hàng hóa xuất khẩu trị giá 300 tỷ USD của Trung Quốc sang Mỹ từ ngày 1/9. Việc đồng Nhân dân tệ trở nên yếu hơn so với đồng đô la Mỹ làm sụt giảm lợi nhuận của các giao dịch hàng hóa vận chuyển đường biển.

(Nguồn: S&P Global Platts)

VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn v́ : USD/tấn

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Thay đổi
Capesize	Australia	Trung Quốc	12,15	+1,25
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	13,95	+1,50
	New South Wales	Hàn Quốc	14,95	+1,50
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,65	+0,25
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,50	+0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,90	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,10	+0,25
	Australia	Trung Quốc	13,90	+0,90
	Australia	Ấn Độ	14,50	+0,80

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/08/2019)